

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-SXD ngày       / 7 /2026 của Sở Xây dựng)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                                             | Dự toán được giao |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | 2                                                                    | 3                 |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                          |                   |
| I   | Số thu phí, lệ phí                                                   |                   |
| 1   | Lệ phí                                                               |                   |
| 2   | Phí                                                                  |                   |
| II  | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                     |                   |
| 1   | Chi sự nghiệp                                                        |                   |
| a   | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                    |                   |
| b   | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                              |                   |
| 2   | Chi quản lý hành chính                                               |                   |
| a   | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                |                   |
| b   | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                          |                   |
| III | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                   |
| 1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                       |                   |
| 2   | Phí                                                                  |                   |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                       | -       4.276     |
| 1   | Nguồn ngân sách trong nước                                           |                   |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                               |                   |
| 1.1 | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                |                   |
| 1.2 | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                          |                   |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                   |

| STT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-----|--------------------------------------------------|-------------------|
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                  |                   |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                   |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                               |                   |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                            | - 4.276           |
| 6.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                |                   |
| 6.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ          | - 4.276           |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| II  | Nguồn vốn viện trợ                               |                   |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |                   |